

Bản án số: 06/2020/HS- ST
Ngày 14 tháng 02 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị

Các Hội thẩm: Ông Nguyễn Mạnh D và bà Trần Thị L

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế C- Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn T- Kiểm sát viên.

Ngày 14/02/2020, trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST- HS ngày 03/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST- HS ngày 03/01/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị K, sinh năm 1968 và có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Bản án số 45/2003/HSST ngày 18/12/2003 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xử phạt T 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2005, bị cáo chưa chấp hành xong án phí.

+ Bản án số 11/2016/HSST ngày 09/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xử phạt Nguyễn Đức T 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 27/5/2018, chấp hành xong án phí ngày 06/9/2016.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2019 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/11/2019, Nguyễn Văn X một mình bắt xe ôm đến nhà anh Vũ Văn T1 ở thôn X, xã V chơi. Tại đây, X nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng cho bản thân, X hỏi mượn điện thoại của T1 rồi gọi điện cho Nguyễn Đức T hỏi mua ma túy, được T đồng ý. X nhờ T1 lấy xe máy chở X để đi có việc, do không biết X đi mua ma túy nên T1 đồng ý điều khiển xe mô tô của T1 chở X ngồi phía sau. Khi đi đến trước cổng nhà bà Lê Thị G thì X gặp T X hỏi T “Chú để cho cháu 200.000đ ma túy”, X đưa cho T số tiền 200.000đ gồm 01 tờ tiền có mệnh giá 100.000đ và 02 tờ tiền có mệnh giá 50.000đ. T cầm lấy tiền của X rồi đưa lại cho X 01 đoạn ống nhựa màu trắng, có kẻ đỏ, bên trong chứa chất bột màu trắng, X hiểu đây là ma túy nên cầm lấy và để vào túi áo khoác bên phải phía trước X đang mặc thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang, X tự giác giao nộp từ túi áo khoác bên phải, phía trước X đang mặc 01 đoạn ống nhựa màu trắng có kẻ đỏ, bên trong ống nhựa có chứa chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu M1), X khai nhận đây là chất ma túy. Nguyễn Đức T tự giác giao nộp số tiền 200.000đ, gồm 01 tờ tiền có mệnh giá 100.000đ và 02 tờ tiền có mệnh giá 50.000đ từ túi quần bên phải, phía trước T đang mặc, T khai nhận, đây là số tiền T vừa bán ma túy cho X mà có. Thu giữ tại túi quần phía sau, bên trái T đang mặc 01 đoạn ống nhựa màu trắng có kẻ đỏ bên trong chứa chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu M2), T khai nhận đây là ống nhựa chứa chất ma túy T cất giấu để khi có người hỏi mua sẽ bán kiếm lời. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ 01 chiếc xe mô tô BKS 99N1- 3395. Thu giữ của X 01 tờ giấy bạc màu trắng trên có ghi các số và chữ; 01 điện thoại di động Sam sung màu đen, đã qua sử dụng. Thu giữ của T số tiền 750.000đ tại túi quần phía sau, bên phải T đang mặc và 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng. Sau đó, tổ công tác đã yêu cầu T, X và người làm chứng về ban Công an xã T tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức T. Quá trình khám xét, lực lượng Công an không thu giữ gì.

Cùng ngày 14/11/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định trưng cầu giám định số 136, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Ninh giám định chất bột màu trắng trong các phong bì thư ký hiệu M1, M2 có phải là ma túy không? Loại ma túy gì? Khối lượng?

Tại bản kết luận giám định số 688/KLGĐMT- PC 09 ngày 15/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- Chất bột màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu M1 có khối lượng 0,0270 gam; là ma túy; Loại: Heroine.
- Chất bột màu trắng bên trong phong bì thư ký hiệu M2 có khối lượng 0,1585 gam; là ma túy; Loại: Heroine.

Tại bản cáo trạng số 03/ CT- VKSGB ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa T thừa nhận ngày 14/11/2019 bị cáo có hành vi bán trái phép 01 đoạn ống nhựa màu trắng bên trong có chứa chất ma túy là Heroine cho Nguyễn Văn X với giá 200.000đ. Ngoài ra bị cáo còn tàng trữ trái phép trên người 01 đoạn ống nhựa màu trắng bên trong có chứa chất Heroine nhằm mục đích bán lại cho các con nghiện khác kiếm lời. T thừa nhận khối lượng và loại ma túy bị cáo bán cho X và bị cáo tàng trữ trên người để bán lại cho người khác như nội dung bản cáo trạng quy kết là đúng. Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên cáo trạng truy tố; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Đức T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 đến 07 triệu đồng xung quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- Toàn bộ số ma túy là mẫu vật hoàn lại sau giám định.
- 01 mảnh giấy bạc màu trắng trên có ghi các con số và chữ: “Đề, 18 x 20N, 92 x 10N, 16 x 10N, 17 x 10 N, 74 x 10 N”.

Tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ thu trên người Nguyễn Đức T và 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng thu giữ của T.

Trả lại cho bị cáo T số tiền là 750.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những người liên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, tang vật thu hồi được, kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 14/11/2019 Nguyễn Đức T có hành vi bán trái phép 0,0270 gam chất ma túy, loại Heroine. Ngoài ra, T còn tàng trữ 0,1585 gam chất ma túy, loại Heroine để nhằm mục đích bán cho các con nghiện khác kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy mà T đã bán và tàng trữ nhằm mục đích để bán là 0,1855 gam ma túy, loại ma túy Heroine.

Mặc dù tổng trọng lượng ma túy T mua bán dưới 05 gam nhưng trước đó T có 02 tiền án: Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy; năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Cả hai tiền án này của T đều chưa được xóa án tích, do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự - như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến khách thể được luật hình sự bảo vệ, đó là chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của bị cáo không những gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân mà còn là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Do vậy, cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Do các tiền án của bị cáo được sử dụng làm tình tiết định khung hình phạt, nên không áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm đối với T. Xét lượng ma túy bị cáo mua bán ít, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, do vậy cần xử phạt T ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với T để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 mảnh giấy bạc màu trắng có ghi các con số và chữ, xét giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 200.000đ thu giữ của T và 01 chiếc điện thoại di động Nokia thu giữ của T có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 750.000đ thu giữ của T cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với Vũ Văn T1 là người cho X mượn điện thoại để X liên lạc với T và là người chở X đi mua ma túy. Tuy nhiên, do T1 không biết việc X mượn điện thoại để giao dịch với T về việc mua ma túy và không biết việc chở X đi mua ma túy do đó không đủ căn cứ để xem xét, xử lý đối với T1.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho T vào sáng ngày 14/11/2019 tại khu vực G, Q. Do T không biết tên, tuổi địa chỉ hay đặc điểm nào khác của người đàn ông nói trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện G chưa có căn cứ để xác minh, làm rõ được, khi nào xác minh, làm rõ sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét các ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, về hình phạt bổ sung là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Đức T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2019 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo. Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000đ xung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tạm giam bị cáo Nguyễn Đức T 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì thư niêm phong, mặt trước có chữ: Công an huyện G mẫu vật còn lại sau giám định kèm kết luận số 688/KLGĐMT- PC 09 ghi ngày 15/11/2019. Mặt sau có chữ ký của giám định viên, dấu đỏ của phòng PC 09- Công an tỉnh Bắc Ninh.

- 01 mảnh giấy bạc màu trắng trên có ghi các con số và chữ: “Đề, 18 x 20N, 92 x 10N, 16 x 10N, 68 x 10N, 17 x 10 N, 74 x 10 N”.

Tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ và 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo T số tiền là 750.000đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện G;
- THA huyện G (án có hiệu lực pháp luật);
- Những người TGT;
- Lưu HSAV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị H